

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, Quận 10, TP HCM

Tel: 08.38558649 Fax: 08.38558649

Mẫu số: B02-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT

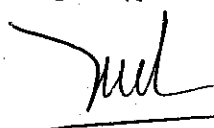
ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỪ NGÀY 05/05/2016 ĐẾN 30/09/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 3/2016	Số lũy kế từ 05/05/2016 đến cuối quý
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	215.469.089.325	282.377.802.651
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	215.469.089.325	282.377.802.651
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	199.115.589.723	264.062.026.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.353.499.602	18.315.775.969
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.648.368.568	2.362.911.376
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.915.667.781	11.165.206.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		8.086.200.389	9.513.481.144
11. Thu nhập khác	31		269.991.870	864.002.219
12. Chi phí khác	32		279.209.562	627.001.580
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9.217.692)	237.000.639
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.076.982.697	9.750.481.783
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.17	1.122.129.701	1.976.374.694
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.13		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.954.852.996	7.774.107.089
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71	VI.9	-	-

Người lập biểu



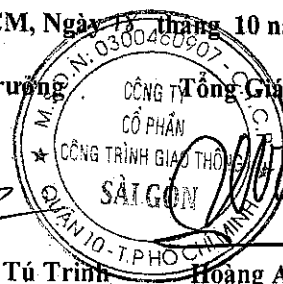
Ma Hoàng Kim Trang

Tp.HCM, Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Kế toán trưởng



Phan Thị Tú Trinh



Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

SÀI GÒN

QUẬN 10 - TP HỒ CHÍ MINH

Hoàng Anh Giao

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MCT	TM	SỐ CUỐI KỲ (Ngày 30/09/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (Ngày 05/05/2016) đã điều chỉnh SDDK theo BBKT của HFIC
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		548.691.585.760	556.245.367.082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	147.974.577.136	197.440.332.356
1. Tiền	111		18.974.577.136	167.440.332.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		129.000.000.000	30.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		353.857.218.900	340.766.779.865
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	189.442.248.952	206.482.657.469
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	764.174.305	327.555.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		155.504.140.948	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	12.045.193.831	137.855.106.032
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.898.539.136)	(3.898.539.136)
IV. Hàng tồn kho	140		37.952.181.702	7.576.572.855
1. Hàng tồn kho	141	V.5	37.952.181.702	7.576.572.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.907.608.022	10.461.682.006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	0	468.003.649
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	1.069.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.907.608.022	9.992.609.084
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.8		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182.647.639.812	196.056.644.849

CHỈ TIÊU	MCT	TM	SỐ CUỐI KỲ (Ngày 30/09/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (Ngày 05/05/2016)
				đã điều chỉnh SĐĐK theo BBKT của HFIC
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.037.988.558	17.358.537.313
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214			
5. Phải thu dài hạn khác	216		16.037.988.558	17.358.537.313
6. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		97.839.267.683	106.993.557.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	97.787.604.781	106.917.586.692
- Nguyên giá	222		222.596.728.234	222.596.728.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.809.123.453)	(115.679.141.542)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	51.662.902	75.970.809
- Nguyên giá	228		561.291.819	561.291.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(509.628.917)	(485.321.010)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		688.158.638	662.228.365
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		688.158.638	662.228.365
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	0	0
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.082.224.933	71.042.321.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	68.082.224.933	71.042.321.670
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		731.339.225.572	752.302.011.931

CHỈ TIÊU	MCT	TM	SỐ CUỐI KỲ (Ngày 30/09/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (Ngày 05/05/2016) đã điều chỉnh SĐBK theo BBKT của HFIC
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		530.650.293.370	547.198.099.023
I. Nợ ngắn hạn	310		529.773.721.356	546.210.481.306
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	28.546.319.958	20.298.272.456
2. Người mua trả tiền trước	312	V.16	84.247.368.319	77.016.341.832
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	0	409.550.479
4. Phải trả người lao động	314	V.18	314.950.876	10.689.443.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	23.255.689.051	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		202.520.820.116	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		301.854.548	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		186.912.330.357	424.727.699.367
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V20	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V21	3.674.388.131	13.069.173.854
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		876.572.014	987.617.717
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331			
2. Chi phí phải trả dài hạn	332			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	336		876.572.014	987.617.717
7. Vay và nợ cho thuê tài chính dài hạn	337			
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339			
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340			
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200.688.932.202	205.103.912.908
I. Vốn chủ sở hữu	410		199.867.678.730	204.282.659.436
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	90.144.406.865	90.144.406.865
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			

CHỈ TIÊU	MCT	TM	SỐ CUỐI KỲ (Ngày 30/09/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (Ngày 05/05/2016) đã điều chỉnh SDDK theo BBKT của HFIC
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		91.763.941.124	91.763.941.124
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	13.620.668.176	13.620.668.176
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20	V.22	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	4.338.662.565	8.753.643.271
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.338.662.565	12.185.601.020
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		821.253.472	821.253.472
1. Nguồn kinh phí	431		821.253.472	821.253.472
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		731.339.225.572	752.302.011.931

Tp.HCM, Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

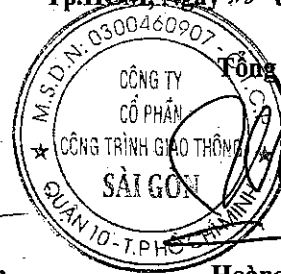


Ma Hoàng Kim Trang

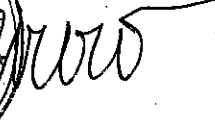
Kế toán trưởng



Phan Thị Tú Trinh



Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Giao

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, Quận 10, TPHCM
 Tel: 08.38558649 Fax: 08.38558649

Mẫu số: B03-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp trực tiếp)

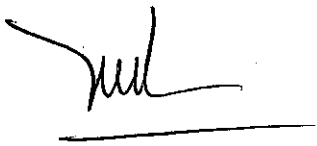
Từ ngày 05/05/2016 đến 30/09/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ ngày 05/05/2016 đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ ngày 05/05/2015 đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	702.172.035.873	660.443.806.013
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(389.932.530.763)	(547.208.902.319)
- Tiền chi trả cho người lao động	3	(77.233.931.554)	(111.549.527.726)
- Tiền chi trả lãi	4		
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(7.938.284.060)	(7.594.539.109)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	213.103.300.856	51.550.535.551
- Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7	(446.480.121.031)	(51.147.666.231)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.309.530.679)	(5.506.293.821)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.031.648.251)	(815.583.576)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.031.648.251)	(815.583.576)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ ngày 05/05/2016 đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ ngày 05/05/2015 đến cuối quý này(Năm trước)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.581.586.945)	(19.204.556.892)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(13.581.586.945)	(19.204.556.892)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(22.922.765.875)	(25.526.434.289)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	170.897.343.011	107.370.741.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	147.974.577.136	81.844.307.692

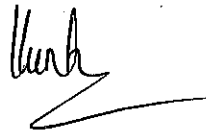
TPHCM, Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



Ma Hoàng Kim Trang

Kế toán trưởng



Phan Thị Tú Trinh

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Giao

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 05/05/2016 đến 30/09/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Quản lý và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường bộ, hệ thống tín hiệu giao thông và sơn đường; thi công xây dựng các công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng ...
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Duy tu sửa chữa công trình giao thông, công trình đường thủy, công trình thủy lợi, cây xanh, chiếu sáng ; thi công xây dựng các công trình giao thông bên bãi, cấp thoát nước, sản xuất các loại vật liệu chuyên ngành ...
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các xí nghiệp trực thuộc:
 - Xí Nghiệp quản lý Đường Bộ 1
 - Xí Nghiệp quản lý Đường Bộ 2
 - Xí Nghiệp quản lý Đường Bộ 4
 - Xí Nghiệp quản lý Đường Bộ 6
 - Xí Nghiệp SX và LĐ THGT
 - Xí Nghiệp SX BTNN
 - Xí Nghiệp Công trình 2
 - Xí Nghiệp Công trình 3
 - Xí Nghiệp Công trình 5
 - Xí Nghiệp Công trình 6
 - Xí Nghiệp Công trình 8
 - Xí Nghiệp Công trình 9
 - Xí Nghiệp Công trình 10
 - Xí Nghiệp Công Trình Thanh Niên
 - Xí Nghiệp Công Trình Cấp Thoát Nước

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các xí nghiệp trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán báo sổ. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hạch toán riêng của văn phòng công ty chưa bao gồm số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và công nợ của các xí nghiệp trực thuộc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm quản lý thông tin nội bộ

Giá mua của phần mềm mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, xe ô tô có giá trị trên 100 triệu được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% tiền lương của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện: Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện: Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó, Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo, Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2016</u>	<u>05/05/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	321.385.021	172.599.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.653.192.115	167.267.732.507
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>129.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>
Cộng	<u>147.974.577.136</u>	<u>197.440.332.356</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>30/09/2016</u>	<u>05/05/2016</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Khu Quản lý GTĐT Số 1	39.115.035.459	41.947.930.560
Khu Quản lý GTĐT Số 2	13.912.015.783	6.125.487.783
Khu Quản lý GTĐT Số 3	2.099.213.000	5.601.848.407
Khu Quản lý GTĐT Số 4	18.968.318.000	26.355.067.945
Các khách hàng khác	112.921.784.793	124.490.365.247
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty CP CTGT Cầu Phà	<u>2.958.210.101</u>	<u>1.961.957.527</u>
	<u>189.442.248.952</u>	<u>206.482.657.467</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán**

	30/09/2016	05/05/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Thành Quân	93.030.025	
Các nhà cung cấp khác	671.144.280	327.555.500
	764.174.305	327.555.500

4. Các khoản phải thu khác

	30/09/2016	05/05/2016
	VND	VND
Tạm ứng	1.059.973.719	95.552.613.305
Phải thu nội bộ	155.504.140.948	-
Các khoản phải thu khác	10.985.220.112	42.302.492.727
	167.549.334.779	137.855.106.032

Hàng tồn kho

	30/09/2016	05/05/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	19.174.928.614	4.396.580.084
Công cụ dụng cụ	61.691.112	70.095.112
Chi phí SX KD dở dang	18.715.561.976	3.109.897.659
	37.952.181.702	7.576.572.855

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị xây dựng	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	14.342.414.050	117.965.705.322	88.210.771.356	1.976.293.796	101.543.710	222.596.728.234
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Giảm khác (**)						
Số dư cuối kỳ	14.342.414.050	117.965.705.322	88.210.771.356	1.976.293.796	101.543.710	222.596.705.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	3.817.867.798	51.617.665.905	58.914.759.787	1.245.351.649	83.496.403	115.679.141.542
Số tăng trong kỳ	504.534.035	4.925.934.969	3.564.127.627	135.385.280	-	9.129.981.911
- Khấu hao trong kỳ	504.534.035	4.925.934.969	3.564.127.627	135.385.280		9.129.981.911
- Giảm khác (**)						
Số dư cuối kỳ	4.322.401.833	56.543.600.875	62.478.887.414	1.386.122.785	83.496.403	124.809.123.452
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	10.524.546.252	66.348.039.417	29.296.011.569	730.942.147	18.047.307	106.917.586.692
Tại ngày cuối kỳ	10.20.012.217	61.422.104.447	25.731.883.942	590.171.011	18.047.307	102.549.452.925

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	146.129.900	304.656.103	110.505.816	561.291.819
- Mua trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	146.129.900	304.656.103	110.505.816	561.291.819
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	146.129.900	241.331.126	97.859.984	485.321.010
- Khấu hao trong kỳ		18.219.197	6.088.710	24.307.907
Số dư cuối kỳ	146.129.900	259.550.323	103.948.710	509.628.917
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ		63.324.977	12.645.832	75.970.809
Tại ngày cuối kỳ		45.105.780	6.557.106	51.66.902

6. Chi phí trả trước :

	30/09/2016	05/05/2016
Ngắn hạn		468.003.649
Chi phí thuê kho bãi, mặt bằng		468.003.649
Dài hạn	68.082.224.933	71.042.321.670
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	1.215.233.528	1.268.069.769
Lợi thế kinh doanh (*)	66.866.991.405	69.774.251.901
	68.082.224.933	71.510.325.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Phải trả người bán**

	<u>30/09/2016</u>	<u>05/05/2016</u>
	VND	VND
Chi nhánh nhựa đường Sài Gòn	1.312.779.600	2.400.519.000
Công ty TNHH Stolt Butiment Việt Nam	12.109.279.600	2.145.480.700
Nhà cung cấp khác	15.124.260.758	15.752.272.756
	<u><u>28.546.319.958</u></u>	<u><u>20.298.272.456</u></u>

8. Người mua trả tiền trước

	<u>30/09/2016</u>	<u>05/05/2016</u>
	VND	VND
Khu Quản lý GTĐT Số 1	8.585.000	8.615.000
Khu Quản lý GTĐT Số 2	15.421.402.463	14.487.722.463
Khu Quản lý GTĐT Số 3	10.346.801.261	10.165.027.842
Khu Quản lý GTĐT Số 4	8.988.152.481	7.048.271.117
Các khách hàng khác	46.524.217.013	45.306.705.410
	<u><u>84.247.368.319</u></u>	<u><u>77.016.341.832</u></u>

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/09/2016</u>	<u>05/05/2016</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế nhà đất	-	409.550.479
Thuế khác	-	-
	<u><u>-</u></u>	<u><u>409.550.479</u></u>

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/09/2016</u>	<u>05/05/2016</u>
	VND	VND
Phải trả nội bộ	202.520.820.116	-
Phải trả cổ phần hóa	101.834.485.623	101.834.485.623
Phải trả khác	85.077.844.734	322.893.213.744

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng389.433.150.473424.727.699.367**11. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	90.144.406.865	91.763.941.124	13.620.668.176	8.753.643.271	204.282.659.436
- Lãi trong kỳ				9.750.481.783	9.750.481.783
- PP lợi nhuận					
- Tăng khác					
- Giảm khác				14.165.462.489	14.165.462.489
Số dư cuối kỳ	90.144.406.865	91.763.941.124	13.620.668.176	4.338.662.565	199.867.678.730

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

Ngoại tệ các loại:

Ngoại tệ USD:

- Số dư đầu kỳ: 217,55 USD

- Số dư cuối kỳ: 217,55 USD

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 05/05/2016- 30/09/2016	Từ 05/05/2015- 30/09/2015
	VND	VND
Doanh thu sản phẩm DV Công ích	101.115.503.258	
Doanh thu thi công công trình	150.831.158.928	
Doanh thu VLXD	30.431.140.465	
Cộng	282.377.802.651	

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 05/05/2016- 30/09/2016	Từ 05/05/2015- 30/09/2015
	VND	VND
Giá vốn sản phẩm DV Công ích	91.135.063.912	
Giá vốn thi công công trình	143.346.718.351	
Giá vốn VLXD	29.580.244.419	
Cộng	264.062.026.682	

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 05/05/2016- 30/09/2016 VND	Từ 05/05/2015- 30/09/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.362.911.376	
Cộng	2.362.911.376	

4. Thu nhập khác

	Từ 05/05/2016- 30/09/2016 VND	Từ 05/05/2015- 30/09/2015 VND
Cho thuê xe máy và các khoản khác	864.002.219	
Cộng	864.002.219	

5. Chi phí khác

	Từ 05/05/2016- 30/09/2016 VND	Từ 05/05/2015- 30/09/2015 VND
Cho thuê xe máy và các khoản khác	627.001.580	
Cộng	627.001.580	

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÀI GÒN

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần công trình giao thông Sài Gòn kể từ ngày 05/05/2016 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0300460907, thay đổi lần thứ 9.

2. Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán tại ngày 05/05/2016 là số liệu đã được điều chỉnh do Công ty cập nhật số dư đầu kỳ năm 2016 theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2015 của HFIC ký ngày 25/09/2016, số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2016 là số liệu trên Báo cáo tài chính do doanh nghiệp tự lập.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2016 chưa bao gồm số liệu hợp cộng của các Xi nghiệp trực thuộc Công ty cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016



Ma Hoàng Kim Trang
Người lập biểu



Phan Thị Tú Trinh
Kế toán trưởng



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Giao
Tổng Giám Đốc